

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: BUI THỊ NHUNG
- Năm sinh: ngày 2 tháng 9 năm 1972
- Giới tính: Nữ
- Trình độ đào tạo (năm, nơi cấp bằng): Tiến sỹ năm 2008 tại Đại học Tokushima, Nhật Bản
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư: Phó Giáo sư năm 2017, bổ nhiệm tại Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế
- Ngành: Y học Chuyên ngành: Dinh dưỡng
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại: Trưởng Khoa Dinh dưỡng học đường và ngành nghề, Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở : Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) : Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) : Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 0 sách chuyên khảo; 2 giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

- a) Tổng số đã công bố: 65 bài báo tạp chí trong nước; 25 bài báo tạp chí quốc tế.
- b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

CÁC BÀI BÁO TẠP CHÍ QUỐC TẾ ISI

1. Tran Quang Thuyen, Dinh Hong Duong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Duong Tuan Linh, Pham Tran Phuong, Bui Thi Nhung & Tran Quang Binh* (2022) Incidence and prediction nomogram for metabolic syndrome in a middle-aged Vietnamese population: A 5-year follow-up study. *Endocrine*. <https://doi.org/10.1007/s12020-021-02836-5>. ISI/SCI. IF=3.633.
2. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc (2021) High incidence of type 2 diabetes in a population with normal range body mass index and individual prediction nomogram, *Diabetic Medicine*. e14680. <https://doi.org/10.1111/dme.14680>. ISIQ1. IF=4.359.
3. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Duong Tuan Linh, Tran Ngoc Luong, Le Danh Tuyen (2021) A simple nomogram for identifying individuals at high risk of undiagnosed diabetes in rural population. *Diabetes Research and Clinical Practice*. 180: 109061. <https://doi.org/10.1016/j.diabres.2021.109061>. ISIQ1. IF=5.602.
4. Tran Quang Binh*, Duong Tuan Linh, Le Thi Kim Chung, Pham Tran Phuong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Tran Quang Thuyen, Do Dinh Tung, and Bui Thi Nhung (2021) *FTO*-rs9939609 Polymorphism Is a Predictor of Future Type 2 Diabetes: A Population-Based Prospective Study. *Biochemical Genetics*. <https://doi.org/10.1007/s10528-021-10124-0>. ISI. IF=1.89.
5. Nguyen Thi Hong Hanh, Bui Thi Nhung, Le Thi Hop, Le Thi Tuyet, Duong Thi Anh Dao, Nguyen Thi Trung Thu, Tran Quang Binh*. (2020) The APOA5-rs662799 polymorphism is a determinant of dyslipidemia in Vietnamese primary school children. *Lipids*. PMID: 32777089. DOI: 10.1002/lipd.12270. ISI. IF=1.80.
6. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, and Le Danh Tuyen (2019) First Report on Association of Hyperuricemia with Type 2 Diabetes in a Vietnamese Population. *International Journal of Endocrinology*, vol. 2019, Article ID 5275071, 7 pages, 2019. <https://doi.org/10.1155/2019/5275071>. ISI. IF= 2.142.

BÀI BÁO QUỐC TẾ

7. Yoshiki Shimizu, Linh Anh Vu, Yuuri Takeshita, Sayuri Matsuoka, Bui Thi Nhung, Le Danh Tuyen, Le Thi Huong Giang, Nguyen Do Van Anh, Vu Thi Minh Thuc (2019). Effect of a Dietary Supplement Containing *Gymnema sylvestre* Extract, Mulberry Leaf Extract, Green Tea Extract, Chitosan, Kidney Bean Extract, and *Kaempferia parviflora* Extract on Abdominal Fat of Vietnamese Adult Women. *Jpn Pharmacol Ther (薬理と治療)* vol. 47 no. 11 2019.
8. Chie Tarumizu, Linh Vu Anh, Kana Takahashi, Sayuri Matsuoka, Kei Yui, Le Danh Tuyen, Nguyen Do Van Anh, Pham Mai Anh, Nguyen Van Nguyen, Bui Thi Nhung (2020). Effect of Kale *Brassica oleracea* Juice on the Health among Prim School Children in Vietnam, *Jpn Pharmacol Ther (薬理と治療)* vol. 48 no. November 2020, pp 1985-1997.

CÁC BÀI BÁO TẠP CHÍ TRONG NƯỚC

9. Trần Quang Bình* và Bùi Thị Nhung (2021) Đánh giá khả năng dự báo của một số công cụ phát hiện người có nguy cơ cao bị đái tháo đường typ 2 trên quần thể người Việt. Tạp chí Y học Dự phòng. 31(9):48-58.
10. Đỗ Văn Lương, Nguyễn Đỗ Huy, Lê Danh Tuyên, Trần Quang Bình, Trần Ngọc Lương, Đỗ Thị Thanh Vân, Phạm Mai Anh, Trần Ngọc Lương, Bùi Thị Nhung (2019). Hiệu quả can thiệp bằng gạo lứt nảy mầm hỗ trợ kiểm soát glucose máu và lipid máu ở người bệnh đái tháo đường typ 2 có hội chứng chuyển hóa. Tạp chí Y học dự phòng. 29(5), tr. 44-52.
11. Khúc Thị Hiền, Nguyễn Hữu Chính, Bùi Văn Tước, Hà Anh Đức, Nguyễn Văn Lê, Bùi Thị Nhung, Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em 36-59 tháng tuổi tại một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Sơn La năm 2015, Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm, Số 17 (4) – 2021.
2. Khúc Thị Hiền, Nguyễn Đỗ Văn Anh, Nguyễn Thị Huyền Trang, Hà Anh Đức, Nguyễn Văn Lê, Bùi Thị Nhung, Hiệu quả bổ sung đa vi chất dinh dưỡng và bột lá cây Shell ginger trong cải thiện tình trạng dinh dưỡng và chỉ số miễn dịch của trẻ em dân tộc Thái 36-59 tháng tuổi tại thành phố Sơn La, Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm, Số 17 (4) – 2021.
12. Lê Thị Hương Giang, Lê Danh Tuyên, Bùi Văn Tước, Nguyễn Thị Huyền Trang, Phạm Minh Phúc, Bùi Thị Nhung (2022). “Đặc điểm một số chỉ số nhân trắc và tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ từ 40-65 tuổi tại Hà Nội năm 2016, Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm. 2022;18(3+4):79-87. doi:10.56283/1859-0381/378.
13. Lê Thị Hương Giang, Lê Danh Tuyên, Nguyễn Hữu Chính, Nguyễn Đỗ Văn Anh, Phạm Minh Phúc, Bùi Thị Nhung (2022) “Hội chứng chuyển hóa ở phụ nữ 40-65 tuổi có BMI $\geq 23\text{kg/m}^2$ tại một số xã phường ở Hà Nội, Năm 2016”. Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm. 18(5+6).doi:10.56283/1859-038.
14. Nguyễn Văn Nguyên, Nguyễn Hữu Chính, Bùi Văn Tước, Trần Đắc Phu, Bùi Thị Nhung (2021). Tình trạng dinh dưỡng của học sinh 7 - 9 tuổi năm 2016 của huyện Thường Tín, Hà Nội. Tạp chí Y học Dự phòng, tập 31, số 9-2021, tr 9-16.
15. Nguyễn Văn Nguyên, Nguyễn Đỗ Văn Anh, Nguyễn Thị Huyền Trang, Trần Đắc Phu, Bùi Thị Nhung. Lực bóp tay và trí lực của học sinh từ 7-9 tuổi tại 2 trường tiểu học của huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội năm 2016. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm, tập 17, số 4, tháng 10-2021, tr 10-18.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì, chủ nhiệm: 0 cấp quốc gia; 0 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài):

T T	Tên chương trình, đề tài	C N	T G	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
--------	--------------------------	--------	--------	-------------------------	------------------------------	-----------------------	------------

1	Nghiên cứu thuần tập 5 năm về bệnh đái tháo đường týp 2 và hội chứng chuyển hoá ở người Việt Nam: vai trò yếu tố di truyền và lối sống	X	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) Mã số 106-YS.01-2015.10	2016-2021	13/9/2021	Đạt
---	--	---	---	-----------	-----------	-----

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác: không

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 5 NCS đã hướng dẫn phụ

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

Stt	Họ và tên nghiên cứu sinh	Đề tài luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ thành công	Vai trò hướng dẫn
1	Đỗ Văn Lương	HIỆU QUẢ SỬ DỤNG GẠO LẬT NÀY MÀM HỖ TRỢ KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ THÀNH PHẦN HỘI CHỨNG CHUYỂN HÓA TRÊN BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYP 2 NGOẠI TRÚ	Viện Dinh dưỡng	2019	Hướng dẫn phụ
2	Nguyễn Văn Nguyên	HIỆU QUẢ BỔ SUNG BỘT CẢI XOĂN ĐÉN TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG, LỰC BÓP TAY, TRÍ LỰC, THỊ LỰC VÀ NHIỄM KHUẨN CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TẠI HÀ NỘI	Viện Dinh dưỡng	2022	Hướng dẫn phụ
3	Khúc Thị Hiền	HIỆU QUẢ BỔ SUNG ĐA VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀ BỘT LÁ RIỀNG ÁM LÊN TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG VÀ MIỄN DỊCH CỦA TRẺ EM 36-59 THÁNG TUỔI DÂN TỘC THÁI TẠI THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA	Viện Dinh dưỡng	2022	Hướng dẫn phụ
4	Lê Thị Hương Giang	THỰC TRẠNG THỪA CÂN, BÉO PHÌ VÀ HIỆU QUẢ CAN THIỆP THỰC PHẨM BỔ SUNG CALORIE LIMIT TRÊN PHỤ NỮ 40 – 65 TUỔI THỪA CÂN, BÉO PHÌ TẠI MỘT SỐ QUẬN, HUYỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (2016-2021).	Viện Dinh dưỡng	2023	Hướng dẫn phụ

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

1. Nhung BT, Tuyen LD, Linh VA, Anh ND, Nga TT, Thuc VT, Yui K, Ito Y, Nakashima Y, Yamamoto S. Rice Bran Extract Reduces the Risk of Atherosclerosis in Post-Menopausal Vietnamese Women. *J Nutr Sci Vitaminol* (Tokyo). 2016;62(5):295-302. ISI, IF: 0,87.
2. Bui TN, Le TH, Nguyen do H, Tran QB, Nguyen TL, Le DT, Nguyen do VA, Vu AL, Aoto H, Okuhara Y, Ito Y, Yamamoto S, Kise M (2014) Pre-germinated brown rice reduced both blood glucose concentration and body weight in Vietnamese women with impaired glucose tolerance. *J Nutr Sci Vitaminol* (Tokyo). 2014;60(3):183-7. ISI, IF: 0,87.
3. Nhung BT, Khan NC, Hop LT, Lam NT, Khanh NL, Lien DT, Nakamori M, Hien VT, Kassu A, Yamamoto S. Resting metabolic rate of Vietnamese adolescents. *Eur J Clin Nutr*. 2007 Sep;61(9):1075-80. SCI.
4. Nhung BT, Khan NC, Hop le T, Lam NT, Khanh Nle B, Lien do TK, Nakamori M, Hien VT, Kassu A, Yamamoto S. Resting metabolic rate of elderly Vietnamese. *Ann Nutr Metab*. 2007;51(1):7-13. ISI.
5. Nhung BT, Khan NC, Hop LT, Lien DT, Le DS, Hien VT, Kunii D, Sakai T, Nakamori M, Yamamoto S. FAO/WHO/UNU equations overestimate resting metabolic rate in Vietnamese adults. *Eur J Clin Nutr*. 2005 Oct;59(10):1099-104. SCI.
6. Tran Quang Thuyen, Dinh Hong Duong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Duong Tuan Linh, Pham Tran Phuong, Bui Thi Nhung & Tran Quang Binh* (2022) Incidence and prediction nomogram for metabolic syndrome in a middle-aged Vietnamese population: A 5-year follow-up study. *Endocrine*. <https://doi.org/10.1007/s12020-021-02836-5>. ISI/SCI. IF=3.633.
7. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc (2021) High incidence of type 2 diabetes in a population with normal range body mass index and individual prediction nomogram, *Diabetic Medicine*. e14680. <https://doi.org/10.1111/dme.14680>. ISIQ1. IF=4.359.
8. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Duong Tuan Linh, Tran Ngoc Luong, Le Danh Tuyen (2021) A simple nomogram for identifying individuals at high risk of undiagnosed diabetes in rural population. *Diabetes Research and Clinical Practice*. 180: 109061. <https://doi.org/10.1016/j.diabres.2021.109061>. ISIQ1. IF=5.602.

9. Tran Quang Binh*, Duong Tuan Linh, Le Thi Kim Chung, Pham Tran Phuong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Tran Quang Thuyen, Do Dinh Tung, and Bui Thi Nhung (2021) *FTO*-rs9939609 Polymorphism Is a Predictor of Future Type 2 Diabetes: A Population-Based Prospective Study. *Biochemical Genetics*. <https://doi.org/10.1007/s10528-021-10124-0>. ISI. IF=1.89.
10. Nguyen Thi Hong Hanh, Bui Thi Nhung, Le Thi Hop, Le Thi Tuyet, Duong Thi Anh Dao, Nguyen Thi Trung Thu, Tran Quang Binh*. (2020) The APOA5-rs662799 polymorphism is a determinant of dyslipidemia in Vietnamese primary school children. *Lipids*. PMID: 32777089. DOI: 10.1002/lipd.12270. ISI. IF=1.80.
11. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, and Le Danh Tuyen (2019) First Report on Association of Hyperuricemia with Type 2 Diabetes in a Vietnamese Population. *International Journal of Endocrinology*, vol. 2019, Article ID 5275071, 7 pages, 2019. <https://doi.org/10.1155/2019/5275071>. ISI. IF= 2.142
12. Tuyet Le Thi, Nhung Bui Thi, Dao Duong Thi Anh, Hanh Nguyen Thi Hong, Tuyen Le Danh, Binh Tran Quang*, and Thuc Vu Thi Minh (2017) The Brain-Derived Neurotrophic Factor Val66Met Polymorphism, Delivery Method, Birth Weight, and Night Sleep Duration as Determinants of Obesity in Vietnamese Children of Primary School Age. *Childhood Obesity*;13(5). Doi: <https://doi.org/10.1089/chi.2017.0007>. ISI. IF=2.558
13. Tran Quang Binh, Nguyen Thi Trung Thu, Pham Tran Phuong, Bui Thi Nhung, Trinh Thi Hong Nhung (2015) *CDKN2A*-rs10811661 polymorphism, waist-hip ratio, systolic blood pressure, and dyslipidemia are the independent risk factors for prediabetes in a Vietnamese population. *BMC Genetics*. 16: 107. SCI, IF=2,4.
14. Binh TQ, Phuong PT, Nhung BT and Tung DD (2014) Metabolic syndrome among a middle-aged population in the Red River Delta region of Vietnam. *BMC Endocrine Disorders* 14:77. SCIE, IF=1,71.
15. Binh TQ, Phuong PT, Nhung BT, Thoang DD, Lien HT, Thanh DV (2013) Association of the common *FTO*-rs9939609 polymorphism with type 2 diabetes mellitus, independent of obesity-related traits in Vietnamese population. *Gene* 513:31-35. SCI, IF=2,08.
16. Binh TQ, Phuong PT, Nhung BT, Thoang DD, Thang PV, Long TK, Thanh DV (2012) Prevalence and correlates of hyperglycemia in a rural population, Vietnam: implications from a cross-sectional study. *BMC Public Health* 12(1):939. SCIE, IF=2,26.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có): H-index: 12

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: tốt

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Thị Nhung